

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày : 04-4-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thúy Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Mỹ Linh;

2. Bà Vành Si Tha.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Khoa Trung – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:*
Bà Trầm Ngọc Minh Thư – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023; quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Văn L, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ 17, khóm A, thị trấn B, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ 13, khóm A, thị trấn B, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, ông L có mặt; bà N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn ông Đặng Văn L trình bày:* Vào năm 1979 tôi và bà N chung sống với nhau như vợ chồng có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn. Hai ông bà sống chung với nhau tại thị trấn B, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc về sau thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà N đam mê cờ bạc, không lo làm ăn, không quan tâm đến ông nên không thể tiếp tục sống chung với bà N, ông bà đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Ông đã cất nhà ra ở riêng. Ông L xét thấy tình cảm

vợ chồng không thể hàn gắn chung sống với nhau được nữa, nên ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

Về con chung: Có 04 người con chung: Đặng Quốc B, sinh năm 1980; Đặng Thị Bích P, sinh năm 1982; Đặng Thị Bích Nh, sinh năm 1986; Đặng Thị Bích T, sinh năm 1988. Các con đã trưởng thành và lao động được, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày tại biên bản hòa giải:* Bà thống nhất với nội dung trình bày của ông L về quan hệ hôn nhân hai ông bà chung sống với nhau từ năm 1979 không đăng ký kết hôn và cũng thống nhất về con chung. Hai ông bà đã ly thân từ năm 2017, nay ông L yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 04 người con chung: Đặng Quốc B, sinh năm 1980; Đặng Thị Bích P, sinh năm 1982; Đặng Thị Bích Nh, sinh năm 1986; Đặng Thị Bích T, sinh năm 1988. Các con đã trưởng thành và lao động được, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà N.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về thủ tục: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông L đối với bà N; về con chung đã trưởng thành và lao động được, nên không đặt ra xem xét, giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết; về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông L và bị đơn bà N đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thị trấn B, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Ông L khởi kiện xin ly hôn bà N, Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải

quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Ông Đặng Văn L và bà Nguyễn Thị N xác định chung sống với nhau từ năm 1979 nhưng không đăng ký kết hôn. Tuy nhiên căn cứ quy định tại khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì đây là thuộc trường hợp hôn nhân thực tế nên căn cứ theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết. Tại phiên tòa, ông L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, ông Lộc yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với bà N còn bà N thì không đồng ý ly hôn mà mong muốn tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân với ông L. Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng của ông L và bà N đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà N không quan tâm ông mà chỉ sống cho bản thân nên ông đã ra ở riêng và đã ly thân từ năm 2017 đến nay, khi xảy ra mâu thuẫn, các bên không có sự quan tâm để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án đã động viên hòa giải đoàn tụ nhưng ông L vẫn cương quyết ly hôn. Ông L và bà N đã ly thân trong một thời gian dài, nhưng hai bên không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Điều đó cho thấy tình trạng vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông L yêu cầu ly hôn với bà N là có căn cứ nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn L.

[3] Về con chung có 04 người con chung: Đặng Quốc B, sinh năm 1980; Đặng Thị Bích P, sinh năm 1982; Đặng Thị Bích Nh, sinh năm 1986; Đặng Thị Bích T, sinh năm 1988. Các con đã trưởng thành và lao động được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông Đặng Văn L là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn nộp án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên thuộc trường hợp được miễn án phí. Hoàn lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009832 ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn cho ông L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39;; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10, ngày 09 tháng 06 năm 2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn L. ông Đặng Văn L được ly hôn bà Nguyễn Thị N.

[2] Về con chung có 04 người con chung: Đặng Quốc B, sinh năm 1980; Đặng Thị Bích P, sinh năm 1982; Đặng Thị Bích Nh, sinh năm 1986; Đặng Thị Bích T, sinh năm 1988. Các con đã trưởng thành và lao động được.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn ông Đặng Văn L là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn nộp án phí, nên thuộc trường hợp được miễn án phí. Hoàn lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009832 ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn cho ông L.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

[7] Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Chi cục THADS h.Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Sơn Thị Thúy Liễu

